

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN YÊN ĐỊNH  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2022/DS-ST**

Ngày: 22 - 7 - 2022

*V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Phạm Viết Nguyên.

2. Ông Lê Minh Chiêu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2022/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** 1. Ông Trịnh Bá G, sinh năm 1952 (Có mặt).

2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1951 (*Bà H đã có văn bản ủy quyền cho ông G*).

Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

**- Bị đơn:** Bà Dương Thị L, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn S 1, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Ông Nguyễn Duy H, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

ĐKHKT: Thôn S 1, xã Đ, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn D, xã Đ, huyện Yên Định, Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09 tháng 12 năm 2021, bản tự khai ngày 23 tháng 02 năm 2022, quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là*

*ông Trịnh Bá G và là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Do có mối quan hệ anh em họ hàng nên ngày 23/11/2011 bà Dương Thị L có đến nhà ông nhờ vợ chồng ông đứng ra vay tiền tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Yên Định với số tiền là 50.000.000đ. Sau khi vay được tiền ở Ngân hàng thì vợ chồng ông cho bà L vay, bà L là người đứng ra viết giấy vay tiền, đã nhận đủ số tiền 50.000.000đ. Hai bên thỏa thuận, đối với số tiền gốc và lãi theo kỳ hạn của ngân hàng bà L chịu trách nhiệm đưa tiền để ông trả cho Ngân hàng. Khi viết giấy vay tiền xong, vợ chồng ông có yêu cầu bà L phải đưa cho ông Nguyễn Duy H (là chồng bà L) ký vào giấy vay chịu trách nhiệm thừa kế. Quá trình vay, bà L có đưa tiền cho ông để trả lãi ngân hàng đầy đủ, còn tiền gốc không trả được. Đến hạn thanh toán nợ của ngân hàng, bà L không trả tiền để ông thanh toán cho ngân hàng nên vợ chồng ông đã bỏ tiền ra để trả đầy đủ cho ngân hàng. Sau đó ông đòi nhiều lần nhưng bà L không trả được tiền gốc, chỉ trả đủ tiền lãi và còn thừa tiền nên trừ vào tiền gốc và hai bên chốt số nợ gốc còn lại là 49.800.000đ. Ngày 23/7/2017 bà L viết giấy khát nợ, còn nợ tiền gốc của vợ chồng ông là 49.800.000đ, hẹn đến tháng 2/2018 (âm lịch) sẽ trả. Đến hạn trả nợ nhưng bà L không trả được, tiếp tục khát nợ nhiều lần vào tháng 7/2020 và tháng 7/2021 (âm lịch). Do bà L không trả nợ đúng hạn nên vợ chồng ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết buộc bà Dương Thị L và chồng là ông Nguyễn Duy H phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông tiền gốc là 49.800.000đ và tiền lãi chỉ tính từ tháng 8/2021 đến khi khởi kiện tháng 12/2021 là 3.984.000đ. Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến hết tháng 12/2021 là 53.784.000đ và tiền lãi cho đến khi trả hết nợ.

*Tại bản tự khai ngày 31 tháng 3 năm 2022, quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn là bà Dương Thị L trình bày:*

Do có mối quan hệ anh em họ hàng nên ngày 23/11/2011, bà có vay của vợ chồng ông Trịnh Bá G và bà Lê Thị H số tiền là 50.000.000đ. Số tiền này, vợ chồng ông G có vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa rồi cho bà vay lại. Giữa bà và ông G có thỏa thuận hàng tháng bà trả tiền lãi cho ông G để ông trả ngân hàng. Quá trình vay, bà đã trả lãi cho ông G đầy đủ. Do bà làm ăn thua lỗ không có điều kiện để trả tiền gốc cho vợ chồng ông G. Sau khi tính gốc, lãi đã trả thì ngày 23/7/2017 bà có viết giấy khát nợ đến ngày 20/02/2018 (âm lịch) sẽ trả số tiền gốc 49.800.000đ cho vợ chồng ông G và nói miệng với nhau không tính tiền lãi. Đến hạn trả nợ ngày 20/02/2018 (âm lịch) bà không trả được số tiền gốc 49.800.000đ cho vợ chồng ông G nên bà tiếp tục hẹn đến tháng 7/2020 (âm lịch) sẽ trả hết nợ nhưng bà vẫn không trả được và lại khát đến tháng 7/2021 (âm lịch) sẽ trả đủ số tiền gốc 49.800.000đ.

Vào tháng 7/2021 (âm lịch) bà đã trả cho ông G số tiền là 20.000.000đ tiền gốc nhưng cả hai bên đều không viết giấy đã trả số tiền này.

Khi vay tiền, ông H là chồng bà không biết nhưng sau đó ông G có đưa giấy cho ông H ký vào mục “người chịu trách nhiệm thừa kế”. Khi bà không trả được nợ thì ông G có gặp vợ chồng bà và xin khát thêm thời gian để thu xếp trả nợ. Nay vợ chồng ông G khởi kiện yêu cầu bà và ông H phải chịu trách nhiệm liên đới phải trả số tiền nợ gốc là 49.800.000đ và tiền lãi thì bà không đồng ý vì bà đã trả được số tiền gốc là 20.000.000đ vào tháng 7/2021 (âm lịch).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông Nguyễn Duy H đến làm việc nhưng ông H vắng mặt nên không có bản tự khai. Bà L cũng không đến Tòa án làm việc nên không tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

*Tại phiên tòa:* Ông G yêu cầu bà Dương Thị L và ông Nguyễn Duy H phải chịu trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông số tiền nợ gốc còn lại là 49.800.000đ. Ông rút yêu cầu tính tiền lãi là 3.984.000đ. Ông đề nghị tính tiền lãi từ ngày ông có đơn yêu cầu thi hành án.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện việc giải quyết vụ án đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, HĐXX, Thư ký phiên tòa đã tiến hành xét xử đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 147, 244, 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 465, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi 3.984.000đ do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Dương Thị L và ông Nguyễn Duy H có nghĩa vụ liên đới phải trả số tiền 49.800.000đ cho ông Trịnh Bá G và bà Lê Thị H. Bà L và ông H không phải thanh toán tiền lãi tính đến ngày xét xử trên khoản nợ gốc 49.800.000đ do nguyên đơn không có yêu cầu. Bà L và ông H còn phải thanh toán khoản tiền lãi trên khoản nợ gốc tính từ ngày ông G và bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

Về án phí: Đề nghị HĐXX thực hiện theo quy định của pháp luật.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: Không.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

*1.1. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vào năm 2011, bà Dương Thị L có vay tiền của vợ chồng ông Trịnh Bá G và bà Lê Thị H số tiền 50.000.000đ, hiện nay không trả được. Do đó, xác định đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn bà Dương Thị L có hộ khẩu thường trú và nơi ở hiện nay tại xã Đ, huyện Yên Định. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*1.2. Về thời hạn khởi kiện:* Việc khởi kiện của nguyên đơn đang trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

*1.3. Về sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bị đơn bà Dương Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan ông Nguyễn Duy H đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông H là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

*2.1. Về số tiền nợ gốc:* Ông Trịnh Bá G và bà Dương Thị L đều thừa nhận: Vào ngày 23/11/2011, bà Dương Thị L vay vợ chồng ông G số tiền 50.000.000đ và hàng tháng bà L đã trả tiền lãi đầy đủ. Do điều kiện kinh tế khó khăn, bà L không trả được tiền nên đã khát nhiều lần. Sau khi tính toán gốc, lãi thì hai bên viết giấy khát nợ chốt số tiền gốc bà L còn nợ là 49.800.000đ. Bà L hẹn lần cuối vào đến tháng 7/2021 (âm lịch) sẽ trả hết nợ. Tuy nhiên, đến hạn bà L đã không trả được tiền cho gia đình ông G. Đây là những nội dung vay nợ được các bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, theo bà L trình bày, ông H có biết việc vay nợ giữa bà và gia đình ông G. Sau khi vay, ông H ký ở mục người chịu trách nhiệm thừa kế. Điều này khẳng định việc vay nợ của bà L thì ông H có biết nên cần buộc ông H phải có trách nhiệm liên đới cùng bà L trả số tiền nợ cho vợ chồng ông G là phù hợp.

Đối với việc bà L trình bày đã trả cho ông G số tiền gốc là 20.000.000đ vào tháng 7/2021 (âm lịch) nhưng không có giấy tờ. Nguyên đơn ông G cho rằng không có việc bà L trả số tiền gốc này. Xét thấy, việc trả nợ của bà L không có

giấy tờ chứng minh nên không có cơ sở để chấp nhận bà L đã trả cho ông G số tiền gốc là 20.000.000đ.

Từ sự phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà L và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông G và bà H số tiền gốc là 49.800.000đ.

2.2. *Về tiền lãi*: Tại tòa, ông G có đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện buộc bà L và ông H phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền lãi là 3.984.000đ (tính từ tháng 8/2021 đến tháng 12/2021). Ông không yêu cầu bà L và ông H phải trả tiền lãi đối với khoản tiền gốc 49.800.000đ tính đến ngày xét xử. Ông đề nghị tính lãi đối với số tiền gốc 49.800.000đ tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông có đơn yêu cầu thi hành án.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về phần trả tiền lãi là 3.984.000đ. Bà L và ông H không phải trả tiền lãi đối với khoản tiền gốc 49.800.000đ tính đến ngày xét xử. Đối với yêu cầu của ông G đề nghị tính lãi từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và ông có đơn yêu cầu thi hành án là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

2.3. *Về án phí*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Vì vậy, trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn đã nộp là phù hợp.

Bà L và ông H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là  $49.800.000đ \times 5\% = 2.490.000đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Đình chỉ giải quyết một phần đối với yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu trả khoản tiền nợ lãi là 3.984.000đ.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Bá G và bà Lê Thị H.

Buộc bà Dương Thị L và ông Nguyễn Duy H phải liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông Trịnh Bá G và bà Lê Thị H số tiền là 49.800.000đ (*Bốn mươi chín triệu, tám trăm nghìn đồng*). Bà L và ông H không phải trả tiền lãi tính đến ngày

xét xử do nguyên đơn không có yêu cầu. Bà L và ông H còn phải thanh toán khoản tiền lãi trên khoản nợ gốc tính từ ngày ông G và bà H có đơn yêu cầu thi hành án.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

3. *Về án phí:* Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Duy H phải liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.490.000đ (hai triệu bốn trăm chín mươi nghìn).

Trả lại cho ông Trịnh Bá G số tiền 1.300.000đ (Một triệu ba trăm nghìn) theo biên lai thu số: AA/2021/0003355 ngày 13/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

4. *Về quyền kháng cáo:* Ông G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà L và ông H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS huyện Yên Định;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoa**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN                      THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hoa**